

Số: /QĐ-THPTNĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Nội quy học sinh Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
năm học 2026-2027**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 1240/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc đính chính Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Xét yêu cầu tăng cường kỷ cương, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và đề nghị của bộ phận phụ trách công tác học sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Nội quy học sinh Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu năm học 2026-2027”.

Điều 2. Nội quy có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này hết hiệu lực.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân sự hỗ trợ giáo dục, các tổ chức đoàn thể, cha mẹ học sinh và toàn thể học sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT;
- Ban đại diện CMHS;
- Niêm yết, đăng công thông tin Trường;
- Lưu: VT, HS.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Xuân Mai

**NỘI QUY HỌC SINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
NĂM HỌC 2026–2027**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTNĐC ngày tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Nội quy quy định chuẩn mực học tập, rèn luyện, ứng xử, an toàn và trách nhiệm của học sinh khi học tập, sinh hoạt tại trường; khi tham gia hoạt động do nhà trường tổ chức; trên môi trường số có liên quan đến nhà trường.

2. Áp dụng đối với toàn thể học sinh Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu; các cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và giám sát thực hiện.

Điều 2. Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện

1. Xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, an toàn, nhân văn; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, quyền riêng tư và sự khác biệt chính đáng của học sinh.

2. Học sinh được biết nội quy, được giải thích, trình bày ý kiến, được hỗ trợ khắc phục sai sót và được bảo mật thông tin cá nhân theo quy định.

3. Mọi nhắc nhở, hỗ trợ và kỷ luật phải khách quan, công bằng, phù hợp độ tuổi, mức độ và hậu quả; không định kiến, xúc phạm, bôi nhọ, phạt tiền, phạt lao động mang tính trừng phạt hoặc sử dụng bạo lực.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm chung của học sinh

1. Được học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động giáo dục; được bảo đảm an toàn; được tôn trọng, bảo vệ, tư vấn và hỗ trợ khi gặp khó khăn.

2. Thực hiện nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ trường phổ thông; kính trọng cha mẹ, thầy cô, nhân viên; đoàn kết, giúp đỡ bạn; chấp hành pháp luật, nội quy và hướng dẫn hợp pháp của nhà trường.

3. Chủ động báo tin khi phát hiện nguy cơ mất an toàn, bạo lực, xâm hại, cháy nổ, vi phạm pháp luật; không tự xử lý bằng bạo lực hoặc phát tán thông tin chưa kiểm chứng.

CHƯƠNG II. ỨNG XỬ VÀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Điều 4. Ứng xử với thầy cô, nhân viên, khách và người lớn tuổi

1. Lễ phép, trung thực, tôn trọng; chào hỏi phù hợp; thực hiện hướng dẫn; trao đổi bằng ngôn ngữ chuẩn mực, không cắt ghép, chế giễu hoặc xúc phạm.

2. Khi giáo viên hoặc khách vào lớp, học sinh thực hiện nghi thức chào theo hướng dẫn của giáo viên; không làm gián đoạn hoạt động học tập.

Điều 5. Ứng xử với bạn học và cộng đồng

1. Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng khác biệt; không kỳ thị giới, dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, khuyết tật, kết quả học tập hoặc đặc điểm cá nhân.

2. Không đánh nhau, tổ chức đánh nhau, cổ vũ, quay phim để phát tán; không đe dọa, bắt nạt, cô lập, làm nhục, quấy rối hoặc xâm hại dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trên môi trường số.

3. Khi có mâu thuẫn, báo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên trực, tư vấn học đường hoặc lãnh đạo trường để được hỗ trợ.

Điều 6. Ngôn ngữ, hành vi và tình bạn

1. Sử dụng lời nói văn minh; không nói tục, chửi thề, dùng từ miệt thị, cử chỉ phản cảm hoặc hành vi gây mất trật tự.

2. Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh; không có hành vi thân mật quá mức, phản cảm hoặc xâm phạm ranh giới cá nhân trong khuôn viên trường và hoạt động của trường.

CHƯƠNG III. TRANG PHỤC, TÁC PHONG VÀ THỂ HỌC SINH

Điều 7. Nguyên tắc về trang phục

1. Trang phục sạch sẽ, gọn gàng, đúng mẫu và lịch do nhà trường công bố; bảo đảm lịch sự, an toàn, thuận tiện cho học tập. Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, lý do sức khỏe, tôn giáo hoặc giới được xem xét điều chỉnh phù hợp.

2. Không tự ý sửa kiểu dáng, cắt ngắn, làm rách, viết vẽ lên đồng phục; không dùng trang phục có chữ, hình ảnh phản cảm hoặc quảng bá sản phẩm bị cấm.

Điều 8. Đồng phục hằng ngày

1. Nam: áo sơ mi trắng/đồng phục của trường có phù hiệu, thông tin theo mẫu; quần tây xanh đậm hoặc đen; áo bỏ trong quần, có dây thắt lưng; mang giày hoặc sandal có quai hậu. Tóc gọn, sạch, không che mắt; không mặc quần jean, quần rách, dép lê. Riêng học sinh nam Khối 10 và Khối 11 mặc đồng phục của trường từ ngày thứ Hai đến ngày thứ Năm.

2. Nữ: áo dài trắng truyền thống vào sáng thứ Hai và theo thông báo; các buổi còn lại mặc đồng phục của trường theo lịch; mang giày hoặc sandal có quai hậu, bảo đảm an toàn. Tóc gọn, sạch; trang điểm, trang sức nếu có phải nhẹ nhàng, phù hợp môi trường học đường. Riêng học sinh nữ Khối lớp 10 và Khối lớp 11 mặc áo dài vào sáng thứ Hai để chào cờ, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm mặc đồng phục của trường.

3. Thứ Sáu và ngày được thông báo: áo Thanh niên Việt Nam, quần tây xanh đậm/đen, áo bỏ trong quần, thắt lưng, giày; đeo huy hiệu Đoàn nếu là đoàn viên.

4. Học sinh khối 10, 11, 12 thực hiện lịch đồng phục cụ thể do nhà trường thông báo đầu năm học; thay đổi lịch phải được thông báo công khai.

Điều 9. Trang phục hoạt động đặc thù và tác phong

1. Giáo dục thể chất, GDQPAN, lao động, thí nghiệm, ngoại khóa: mặc trang phục và sử dụng phương tiện bảo hộ đúng quy định của môn/hoạt động.

2. Không nhuộm tóc màu nổi bật không phù hợp môi trường học đường; không để móng quá dài gây mất an toàn; không xăm, dán hoặc trưng bày hình ảnh, ký hiệu có nội dung bạo lực, thù ghét, phản cảm.

3. Đeo thẻ học sinh khi vào trường và khi được yêu cầu; không cho mượn, tẩy sửa hoặc sử dụng thẻ của người khác. Mất thẻ phải báo và làm thủ tục cấp lại.

CHƯƠNG IV. NÈ NẾP HỌC TẬP VÀ CHUYÊN CẦN

Điều 10. Giờ học và có mặt tại trường

1. Có mặt tại lớp trước giờ bắt đầu buổi học ít nhất 10 phút hoặc theo thời gian biểu; chuẩn bị đầy đủ sách, vở, thiết bị và học liệu cần thiết.

2. Vào học đúng giờ; không tự ý ra khỏi lớp, đổi chỗ, rời trường hoặc bỏ tiết. Khi cần rời lớp phải được giáo viên cho phép; rời trường trong buổi học phải theo quy trình của nhà trường.

3. Đi trễ được ghi nhận, xác minh nguyên nhân và hỗ trợ khắc phục; thời lượng vắng tiết được quản lý theo thực tế và quy định đánh giá, không tự động quy đổi tùy tiện thành nghỉ học nếu chưa đủ căn cứ.

Điều 11. Nghỉ học, xin phép và học bù

1. Cha mẹ/người giám hộ thông báo cho giáo viên chủ nhiệm trước buổi học bằng kênh chính thức; nộp đơn hoặc minh chứng khi nhà trường yêu cầu. Trường hợp khẩn cấp báo sớm nhất có thể.

2. Học sinh nghỉ học có trách nhiệm chủ động bổ sung bài, hoàn thành nhiệm vụ; nhà trường hỗ trợ đối với trường hợp ốm đau, hoàn cảnh khó khăn hoặc lý do chính đáng.

3. Không giả mạo chữ ký, giấy tờ, dữ liệu điểm danh hoặc nhờ người xin phép không đúng sự thật.

Điều 12. Trong giờ học

1. Chú ý nghe giảng, tích cực tham gia, tôn trọng quyền học tập của người khác; thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn; giữ trật tự phù hợp với phương pháp tổ chức của giáo viên.

2. Không ăn uống, ngủ, làm việc riêng, chơi trò chơi, nghe nhạc hoặc gây tiếng ồn khi chưa được phép. Nước uống cá nhân được sử dụng hợp lý, không ảnh hưởng tiết học.

Điều 13. Trung thực trong học tập, kiểm tra và thi

1. Không sao chép, trao đổi bài trái phép, sử dụng tài liệu hoặc thiết bị không được phép, nhờ người làm hộ, làm hộ người khác, sửa điểm hoặc can thiệp dữ liệu.

2. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo và nguồn trực tuyến phải tuân theo yêu cầu của giáo viên, tự chịu trách nhiệm về nội dung, kiểm chứng thông tin và ghi nguồn khi được yêu cầu; không dùng để gian lận.

3. Vi phạm được xử lý theo quy định đánh giá, quy chế kiểm tra/thi và Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT, bảo đảm quyền giải trình.

Điều 14. Sinh hoạt tập thể và hoạt động giáo dục

1. Tham gia nghiêm túc chào cờ, sinh hoạt lớp, tư vấn hướng nghiệp, trải nghiệm, hoạt động Đoàn, lao động, phòng chống thiên tai, diễn tập an toàn và hoạt động bắt buộc khác.
2. Vắng mặt thực hiện thủ tục xin phép như nghỉ học; không tự ý rời hàng, gây mất trật tự hoặc cản trở hoạt động.

CHƯƠNG V. THIẾT BỊ SỐ, INTERNET VÀ TRUYỀN THÔNG

Điều 15. Điện thoại và thiết bị điện tử

1. Điện thoại, đồng hồ thông minh, tai nghe và thiết bị cá nhân phải để chế độ im lặng/tắt và cất gọn trong giờ học, kiểm tra, thi, chào cờ, sinh hoạt tập thể; chỉ sử dụng khi giáo viên cho phép phục vụ học tập, sức khỏe hoặc tình huống khẩn cấp.
2. Không sạc thiết bị tại ổ điện của trường khi chưa được phép; không dùng thiết bị để quay, chụp, ghi âm người khác khi chưa có căn cứ và sự đồng ý phù hợp, trừ việc cung cấp chứng cứ an toàn cho người có trách nhiệm theo pháp luật.
3. Khi vi phạm, giáo viên có thể yêu cầu học sinh tắt/cất thiết bị hoặc bàn giao tạm thời để bảo đảm tiết học; việc tiếp nhận, bảo quản, hoàn trả phải được ghi nhận, không tự ý kiểm tra nội dung riêng tư của thiết bị.

Điều 16. Ứng xử trên môi trường số

1. Bảo vệ tài khoản, mật khẩu và dữ liệu cá nhân; không truy cập trái phép, phá hoại hệ thống, phát tán mã độc, giả mạo danh tính, mua bán tài khoản hoặc chia sẻ dữ liệu nội bộ trái phép.
2. Không đăng, chia sẻ, bình luận thông tin sai sự thật; nội dung xúc phạm, bắt nạt, kích động bạo lực, đồi trụy; hình ảnh riêng tư của người khác; đề kiểm tra, tài liệu mật hoặc thông tin làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của nhà trường và cá nhân.
3. Phản ánh, góp ý về nhà trường bằng kênh phù hợp, trung thực và có trách nhiệm; được bảo vệ quyền góp ý chính đáng, không bị buộc gỡ bỏ thông tin hợp pháp chỉ vì có ý kiến khác biệt.

CHƯƠNG VI. AN TOÀN TRƯỜNG HỌC, SỨC KHỎE VÀ PHÒNG CHỐNG VI PHẠM

Điều 17. Các vật, chất và hành vi bị cấm

1. Không mang, tàng trữ, sử dụng, mua bán: vũ khí, vật liệu nổ, công cụ nguy hiểm, chất cháy nổ, hóa chất độc; ma túy, chất hướng thần; rượu bia; thuốc lá, thuốc lá điện tử, sản phẩm nicotine; văn hóa phẩm đồi trụy và vật bị pháp luật cấm.
2. Không trộm cắp, cưỡng đoạt, đánh bạc, cá độ, cho vay nặng lãi, mua bán trái phép, tổ chức tụ tập gây rối, tham gia băng nhóm hoặc lôi kéo người ngoài vào trường giải quyết mâu thuẫn.
3. Vật dụng học tập có khả năng gây nguy hiểm chỉ được mang theo khi giáo viên yêu cầu và phải sử dụng đúng mục đích.

Điều 18. Phòng chống bạo lực, xâm hại và quấy rối

1. Không bạo lực thể chất, tinh thần, tình dục; không đe dọa, ép buộc, phát tán hình ảnh nhạy cảm hoặc trả đũa người báo tin.
2. Người chứng kiến phải ưu tiên an toàn, báo ngay giáo viên trực, giáo viên chủ nhiệm, lãnh đạo trường, nhân viên y tế hoặc cơ quan có thẩm quyền; không cổ vũ, quay phát trực tiếp hoặc tụ tập cản trở xử lý.
3. Nhà trường bảo mật thông tin, tách các bên khi cần, sơ cứu, thông báo người giám hộ và chuyển cơ quan chức năng theo mức độ; không hòa giải ép buộc trong vụ việc có dấu hiệu xâm hại hoặc tội phạm.

Điều 19. Y tế, vệ sinh và phòng dịch

1. Giữ vệ sinh cá nhân, lớp học, nhà vệ sinh; bỏ rác đúng nơi; tiết kiệm điện, nước; thực hiện hướng dẫn phòng dịch, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe.
2. Không tự ý dùng hoặc chia sẻ thuốc; học sinh có bệnh nền, dị ứng, nhu cầu hỗ trợ sức khỏe nên thông báo cho nhà trường qua cha mẹ/người giám hộ.
3. Khi có dấu hiệu bất thường, tai nạn hoặc nghi ngờ ngộ độc, báo ngay giáo viên/nhân viên y tế; không che giấu hoặc tự ý rời trường.

Điều 20. Phòng cháy, chữa cháy, thiên tai và sự cố

1. Không nghịch điện, lửa, bình chữa cháy, chuông báo, thiết bị kỹ thuật; không chặn lối thoát hiểm hoặc tự ý vào khu vực hạn chế.
2. Biết vị trí lối thoát; tuân thủ hướng dẫn sơ tán, không chen lấn, quay lại lấy đồ hoặc phát tán tin thất thiệt.

CHƯƠNG VII. TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CÔNG TRƯỜNG**Điều 21. Đi lại và phương tiện**

1. Chấp hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; đi đúng phần đường, làn đường; đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn khi thuộc trường hợp bắt buộc; không lạng lách, đua xe, dàn hàng, chờ quá số người hoặc sử dụng điện thoại khi điều khiển phương tiện.
2. Chỉ điều khiển phương tiện đúng độ tuổi, điều kiện và giấy phép theo luật; không điều khiển xe mô tô khi chưa đủ điều kiện. Nhà trường phối hợp cha mẹ học sinh và cơ quan chức năng để giáo dục, ngăn ngừa vi phạm.
3. Dẫn xe, giám tốc độ, xếp hàng theo hướng dẫn tại cổng; gửi xe đúng nơi, khóa xe, không nổ máy trong khu vực cấm; không tụ tập gây ùn tắc.

Điều 22. Ra vào trường và người lạ

1. Ra vào đúng cổng, đúng giờ; xuất trình thẻ khi được yêu cầu; không trèo rào, đi lối cấm, đưa người lạ vào trường hoặc tiếp người ngoài khi chưa được phép.
2. Không đặt, nhận hàng hóa trong giờ học/khuôn viên trường, trừ trường hợp được nhà trường chấp thuận; báo bảo vệ khi phát hiện người, vật hoặc hành vi khả nghi.

CHƯƠNG VIII. TÀI SẢN, MÔI TRƯỜNG VÀ KHÔNG GIAN HỌC TẬP

Điều 23. Bảo vệ tài sản

1. Giữ gìn phòng học, bàn ghế, thiết bị, sách thư viện, cây xanh và công trình; sử dụng đúng hướng dẫn; không viết, vẽ, dán, phá hoại hoặc tự ý di chuyển.
2. Phát hiện hư hỏng phải báo ngay; nếu gây thiệt hại, học sinh cùng cha mẹ/người giám hộ phối hợp khắc phục, bồi thường theo pháp luật và căn cứ lỗi, mức thiệt hại; không áp dụng bồi thường tùy tiện hoặc tập thể.
3. Không mang nhiều tiền, tài sản giá trị cao không cần thiết; tự bảo quản tài sản cá nhân. Nhà trường tiếp nhận, xác minh và hỗ trợ xử lý khi mất tài sản, không mặc nhiên miễn trách nhiệm quản lý theo quy định.

Điều 24. Lớp học, thư viện, phòng bộ môn và khu vực chung

1. Thực hiện nội quy riêng của từng khu vực; xếp hàng, giữ yên lặng phù hợp, trả dụng cụ đúng vị trí; không tự ý vận hành máy móc, hóa chất hoặc thiết bị.
2. Không mang đồ ăn, thức uống vào khu vực phòng học; không ngồi, leo trèo tại lan can, cửa sổ, mái, cây, công trình hoặc vị trí nguy hiểm.

Điều 25. Bảo vệ môi trường

1. Phân loại, giảm rác thải nhựa; không xả rác, khắc nhỏ; chăm sóc cây xanh; tham gia vệ sinh theo phân công giáo dục phù hợp, an toàn.
2. Không mang, thả động vật vào trường; không gây tổn hại động vật hoặc hệ sinh thái trong khuôn viên.

CHƯƠNG IX. KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ VÀ KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Học sinh có thành tích học tập, rèn luyện, tiến bộ, hành động đẹp, sáng kiến, đóng góp cho tập thể hoặc cộng đồng được biểu dương, ghi nhận, khen thưởng thường xuyên hoặc định kỳ theo Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT và quy định của trường.
2. Việc khen thưởng công khai khi phù hợp, bảo đảm chính xác, công bằng, có tác dụng giáo dục; tôn trọng học sinh không muốn công khai thông tin nhạy cảm.

Điều 27. Nguyên tắc xử lý hành vi chưa phù hợp

1. Ưu tiên phòng ngừa, tư vấn, giúp học sinh nhận thức, sửa chữa, khắc phục hậu quả và tiến bộ; xem xét động cơ, hoàn cảnh, độ tuổi, khả năng nhận thức, mức độ, hậu quả, thái độ và lịch sử tiến bộ.
2. Một hành vi không bị áp dụng lặp lại biện pháp kỷ luật cùng tính chất; không quy chụp vi phạm của cá nhân cho tập thể; bảo đảm học sinh được thông báo, giải trình và có người hỗ trợ khi cần.
3. Hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xâm hại, nguy hiểm nghiêm trọng được thực hiện biện pháp bảo vệ khẩn cấp và chuyển cơ quan có thẩm quyền; biện pháp của nhà trường không thay thế xử lý theo pháp luật.

4

Điều 28. Biện pháp kỷ luật đối với học sinh

1. Các biện pháp được áp dụng theo Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT gồm: nhắc nhở; phê bình; yêu cầu viết bản tự kiểm điểm. Nhà trường không tự đặt thêm hình thức kỷ luật trái quy định.

2. Kèm theo biện pháp kỷ luật có thể có hoạt động hỗ trợ giáo dục phù hợp: tư vấn, cam kết kế hoạch sửa chữa, xin lỗi, hòa giải tự nguyện, khắc phục hậu quả, nhiệm vụ học tập hoặc hoạt động vì cộng đồng mang tính giáo dục, an toàn và không làm nhục.

3. Thẩm quyền, trình tự, hồ sơ, thông báo cha mẹ/người giám hộ và thời hạn theo dõi thực hiện đúng Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT và quy trình nội bộ của trường.

Điều 29. Tiếp nhận phản ánh và bảo vệ người báo tin

1. Kênh phản ánh: trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm/giáo viên trực/lãnh đạo; hộp thư, số điện thoại hoặc kênh số chính thức do trường công bố. Trường hợp khẩn cấp gọi 111, 113, 114, 115 hoặc cơ quan có thẩm quyền phù hợp.

2. Thông tin được tiếp nhận kịp thời, giữ bí mật trong phạm vi cần thiết; nghiêm cấm đe dọa, trả đũa, gây áp lực với người phản ánh, người làm chứng hoặc người bị ảnh hưởng.

3. Học sinh, cha mẹ/người giám hộ có quyền đề nghị nhà trường xem xét lại việc ghi nhận, xử lý nếu có căn cứ cho rằng chưa khách quan hoặc chưa đúng quy định.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của học sinh, lớp và cán bộ lớp

1. Học sinh tự giác thực hiện, nhắc nhau bằng thái độ tôn trọng, phản ánh ngay cơ; không tự lập “hình phạt”, thu tiền, bêu tên hoặc khám xét bạn.

2. Cán bộ lớp hỗ trợ nề nếp, ghi nhận khách quan theo phân công; không thay giáo viên quyết định xử lý, không công khai thông tin riêng tư.

Điều 31. Trách nhiệm của giáo viên và bộ phận nhà trường

1. Giáo viên chủ nhiệm phổ biến, giải thích, tổ chức cho học sinh và cha mẹ học sinh cam kết phối hợp; theo dõi tiến bộ, tư vấn, lưu hồ sơ cần thiết và bảo mật thông tin.

2. Giáo viên bộ môn, nhân viên, bảo vệ, y tế và tư vấn học đường thực hiện đúng chức trách, xử lý ban đầu an toàn, báo cáo đúng tuyến; không tự ý áp dụng hình thức kỷ luật ngoài quy định.

3. Hiệu trưởng tổ chức công khai, kiểm tra, sơ kết, tiếp nhận kiến nghị; điều chỉnh hướng dẫn thực hiện khi pháp luật hoặc điều kiện nhà trường thay đổi.

Điều 32. Trách nhiệm phối hợp của cha mẹ/người giám hộ

1. Cập nhật thông tin liên hệ, tình trạng sức khỏe cần lưu ý; phối hợp quản lý chuyên cần, phương tiện, thiết bị số, việc học và rèn luyện; làm gương trong ứng xử.

2. Trao đổi qua kênh chính thức, tôn trọng học sinh và nhà giáo; không dùng bạo lực, xúc phạm hoặc phát tán thông tin chưa kiểm chứng; phối hợp khắc phục hậu quả khi học sinh vi phạm.

Điều 33. Công khai, rà soát và hiệu lực

1. Nội quy được phổ biến đầu năm, niêm yết, đăng trên kênh thông tin của trường; học sinh mới được phổ biến khi nhập học.

2. Các quy định về thời gian biểu, mẫu đồng phục, sơ đồ giao thông, khu vực hạn chế và kênh phản ánh được ban hành/thông báo riêng và là hướng dẫn thực hiện Nội quy.

3. Nội dung chưa quy định thực hiện theo pháp luật, Điều lệ trường phổ thông và văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Nếu một điều khoản không còn phù hợp do văn bản mới, áp dụng văn bản mới và Hiệu trưởng tổ chức sửa đổi kịp thời.

PHỤ LỤC

10 CAM KẾT CỐT LÕI CỦA HỌC SINH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1. Kính trọng, trung thực, nói lời văn minh; tôn trọng sự khác biệt.
2. Đi học đúng giờ, học tập chủ động, không gian lận.
3. Mặc đúng đồng phục, đeo thẻ, giữ tác phong gọn gàng và an toàn.
4. Không bạo lực, bắt nạt, quấy rối; thấy nguy cơ phải báo người có trách nhiệm.
5. Chỉ dùng điện thoại, thiết bị số khi được phép; bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư.
6. Không mang, sử dụng thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu bia, ma túy, vũ khí và vật nguy hiểm.
7. Chấp hành an toàn giao thông; chỉ điều khiển phương tiện khi đủ tuổi, đủ điều kiện.
8. Giữ gìn tài sản, vệ sinh, cây xanh; tiết kiệm điện nước.
9. Không tự ý rời lớp, rời trường; tuân thủ hướng dẫn khi có sự cố.
10. Biết nhận lỗi, khắc phục hậu quả, hỗ trợ bạn và cùng xây dựng trường học hạnh phúc.

Các đầu mối hỗ trợ:

- Giáo viên chủ nhiệm;
- Lãnh đạo trường;
- Y tế/tư vấn học đường;
- Tổng đài bảo vệ trẻ em 111; Công an 113; Cứu hỏa 114; Cấp cứu 115.

